

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2019
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Ngọc Quang**.

2. Ông **Lò Văn Đoàn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; Sinh năm 1995

Nơi cư trú: Bản X, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lò Thị Khánh H
– Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn T1; sinh năm 1995

Nơi cư trú: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Quàng Văn T1 kết hôn ngày 09/11/2015 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm được khoảng 09 tháng thì xảy ra mâu thuẫn anh T1 đã sử dụng chất ma túy và bị bắt từ tháng 6 năm 2016 tại tỉnh Bắc Ninh, đến tháng 8/2017 thì anh T1 chấp hành xong hình phạt tù. Trong

thời gian đi tù thì tôi vẫn ở nhà đợi anh trở về, nhưng sau khi chấp hành án trở về nhà thì anh vẫn không thay đổi, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay tôi thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quảng Văn T1.

Về con chung: Tôi và anh T1 có một người con chung: Cháu Quảng Thị Bảo T2, sinh ngày 02/10/2016; Hiện cháu Quảng Thị Bảo T2 đang ở cùng với chị Lò Thị T, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Quảng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

- Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Bị đơn anh Quảng Văn T1 được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bà Lò Thị Khánh H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của chị Lò Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 2 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Lò Thị T và bị đơn anh Quảng Văn T1. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành niêm yết công khai. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Quảng Văn T1 không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến hành niêm yết công khai nhưng 02 buổi hòa giải anh T1 không đến tham gia hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt xét thấy bị đơn là anh Quảng Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không có đơn phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo nội dung đơn xin ly hôn đề ngày 30/10/2018, lời trình bày của chị Lò Thị T tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. **Về hôn nhân:** Chị Lò Thị T và Anh Quảng Văn T1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/2015 tại UBND xã X, huyện M. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 nghiện chất ma túy và đi chấp hành án phạt tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh T1 trở về địa phương, gia đình sinh sống, anh vẫn không cai được chất ma túy không quan tâm, chăm sóc vợ con, nên thường xuyên xảy ra xích mích. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng, từ tháng 3 năm 2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quảng Văn T1.

[3]. **Về con chung:** Chị T và anh T1 có 01 người con chung: Cháu Quảng Thị Bảo T2, sinh ngày 02/10/2016; Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Thị Bảo T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Quảng Thị Bảo T2 đang sống ổn định cùng mẹ từ khi vợ chồng chị T, anh T1 sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao Quảng Thị Bảo T2 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị T không yêu cầu anh Quảng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay Chị Lò Thị T không yêu cầu giải quyết. Cụ thể:

- + Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- + Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- + Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] . **Về án phí:** Xét thấy gia đình Chị Lò Thị T sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn áp phí. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28, điều 147, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 điều 51 khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T ly hôn Anh Quảng Văn T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Quảng Thị Bảo T2, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Quảng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T1 có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân T1; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Không có, chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã X
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân